CHI CỤC KIỂM LÂM HÀ TĨNH **HẠT KIỂM LÂM THẠCH HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 222/TB-KL	*Lộc Hà, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 4236/QĐ-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường được nhận chuyển giao gỗ, lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES là tang vật, vật chứng hoặc do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh công bố cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc UBND tỉnh quản lý được nhận chuyển giao gỗ, lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES là tang vật, vật chứng hoặc do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

Ngày 10/11/2026, Hạt Kiểm lâm Thạch Hà có phát hiện, xử lý tịch thu một số lâm sản gồm: 17 lóng gỗ tròn, loài thông thường khối lượng: 0,47 m^3. (Không phẩy bốn mươi bảy mét khối); Chi tiết như sau:

- Gỗ tròn Dẻ: số lượng 09 lóng, khối lượng: 0,299 m^3.
- Gỗ tròn Vạng: số lượng 02 lóng, khối lượng: 0,074m^3
- Gỗ tròn Dầu: số lượng 06 lóng. Khối lượng: 0,097m^3.

Thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 11, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; hiện nay, Hạt Kiểm lâm Thạch Hà đang xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với số gỗ trên (*có bảng kê lâm sản kèm theo)* để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Được quét bằng CamScanner

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch để sử dụng vào các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ (có Bảng kê lâm sản kèm theo) về Hạt Kiểm lâm Thạch Hà trước ngày 20 tháng 11 năm 2026 theo địa chỉ: Hạt Kiểm lâm Thạch Hà, Thôn Thạch Bằng, xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. *(Chi tiết liên hệ bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm lâm viên, phụ trách Bộ phận Pháp chế và Điều tra, xử lý vi phạm, Hạt Kiểm lâm Thạch Hà, số điện thoại: 0915418789)*

Yêu cầu cơ quan, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận tài sản cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Trường Đại học Lâm nghiệp;
- Viện Điều tra quy hoạch rừng;
- Vườn Quốc gia Bạch Mã;
- Vườn Quốc gia Vũ Quang;
- Bảo tàng Hà Tĩnh;
- Cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT.

HẠT TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
HẠT KIỂM LÂM THẠCH HÀ
CHI CỤC KIỂM LÂM HÀ TĨNH

Nguyễn Mạnh Tài

Được quét bằng CamScanner



BẢNG KÊ CHI TIẾT LÂM SẢN TỊCH THU

(Kèm theo Bảng kê lâm sản số 01/2026/BKLS ngày 06/11/2026)

TT	Tên gỗ	Nhóm loài	Quy cách đối với gỗ tròn		Số lượng lóng	Khối lượng (m3)
			chiều dài (m)	Đường kính (m)		
1	Dẻ	thông thường	1.4	0.24		0.063
2	Dẻ	thông thường	1.4	0.18		0.034
3	Dẻ	thông thường	1.4	0.08		0.007
4	Dẻ	thông thường	1.6	0.10		0.011
5	Dẻ	thông thường	1.4	0.19		0.040
6	Dẻ	thông thường	1.4	0.08		0.007
7	Dẻ	thông thường	1.4	0.18		0.034
8	Dẻ	thông thường	1.4	0.18		0.034
9	Dẻ	thông thường	1.4	0.19		0.040
10	Vạng	thông thường	1.0	0.24		0.045
11	Vạng	thông thường	1.2	0.18		0.029
12	Dầu	thông thường	1.5	0.08		0.007
13	Dầu	thông thường	1.2	0.18		0.029
14	Dầu	thông thường	1.3	0.08		0.006
15	Dầu	thông thường	1.4	0.18		0.034
16	Dầu	thông thường	1.5	0.18		0.036
17	Dầu	thông thường	1.4	0.11		0.014
TỔNG CỘNG 17 LÓNG						**0.47**

Được quét bằng CamScanner